

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 29



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Đặng Anh Tuấn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 25/06/2013)
Ông Nguyễn Huy Tráng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 25/06/2013)
Ông Nguyễn Xuân Thủy	Thành viên
Ông Hồ Thành Công	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Danh	Thành viên
Ông Trần Thanh Sơn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/06/2013)
Ông Tạ Thiên Long	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/06/2013)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Thị Giang	Trưởng ban
Ông Vũ Mạnh Phú	Thành viên
Bà Man Thị Hải	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/06/2013)
Bà Nguyễn Thị Ninh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2013)

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Thanh Sơn	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/07/2013)
Ông Tạ Thiên Long	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/07/2013)
Ông Lê Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Long	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội, thành viên Hãng RSM International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

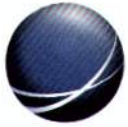
CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tôi công bố rằng, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Thanh Sơn
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 3 năm 2014



Văn phòng Hà Nội

Tầng 7, Tòa nhà Lotus, Số 2 Đường Duy Tân
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Tel: +844 3795 53 53 | Fax: +844 3795 52 52

www.rsm.com.vn | dtl_hanoi@rsm.com.vn

Số: 04/2014/DTLHN - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

V/v: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm kèm theo của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài ("Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 29.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Thành Lâm

Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0299-2013-026-1

Hoàng Thị Vinh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
1678-2013-026-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội
Thành viên Hãng RSM International

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2014

Phát hành lại tại ngày 12 tháng 3 năm 2014 do cập nhật lại chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và do đó ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu khác liên quan.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		104.952.553.214	118.587.526.490
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	39.953.780.968	48.211.782.219
1. Tiền	111		24.153.780.968	23.211.782.219
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.800.000.000	25.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.750.082.142	59.184.021.108
1. Phải thu của khách hàng	131	4.2	55.658.456.016	55.275.931.669
2. Trả trước cho người bán	132	4.3	21.000.000	4.817.302.539
3. Các khoản phải thu khác	135		274.311.079	294.471.853
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	4.2	(1.203.684.953)	(1.203.684.953)
IV. Hàng tồn kho	140	4.4	9.093.387.319	11.187.836.332
1. Hàng tồn kho	141		9.093.387.319	11.187.836.332
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.155.302.785	3.886.831
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.138.734.954	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		16.567.831	3.886.831
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		47.573.542.155	36.262.770.021
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		47.268.148.837	35.990.156.121
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	42.496.969.030	29.525.790.624
Nguyên giá	222		118.397.281.124	99.358.400.417
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.900.312.094)	(69.832.609.793)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.6	1.671.656.944	48.981.247
Nguyên giá	228		2.404.630.000	214.630.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(732.973.056)	(165.648.753)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.7	3.099.522.863	6.415.384.250
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		305.393.318	272.613.900
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	162.613.900
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.8	185.393.318	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		120.000.000	110.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		152.526.095.369	154.850.296.511

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		40.054.053.272	35.445.282.065
I. Nợ ngắn hạn	310		40.054.053.272	35.445.282.065
1. Phải trả người bán	312	4.8	21.044.417.414	15.749.025.073
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.9	2.824.357.704	2.773.347.352
3. Phải trả người lao động	315		12.319.923.713	14.279.539.803
4. Chi phí phải trả	316		451.359.928	50.000.000
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.10	524.498.585	999.334.012
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.889.495.928	1.594.035.825
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.11	112.472.042.097	119.405.014.446
I. Vốn chủ sở hữu	410		112.472.042.097	119.405.014.446
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(7.900.000)	(7.900.000)
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.272.800.529	9.345.285.888
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		5.000.000.000	5.000.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		50.207.141.568	55.067.628.558
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		152.526.095.369	154.850.296.511

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 01/01/2013
1. Ngoại tệ các loại - USD		1.448,94	127.408,29



Trần Thanh Sơn
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 3 năm 2014

Phạm Ngọc Long
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thu Hà
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		386.166.962.398	352.544.766.953
2. Các khoản giảm trừ	02	5.1	6.763.846.144	3.205.234.010
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	379.403.116.254	349.339.532.943
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	321.108.300.580	296.845.999.275
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.294.815.674	52.493.533.668
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.832.878.283	4.318.551.887
7. Chi phí tài chính	22		45.898.836	90.842.165
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	5.4	3.550.384.563	3.140.244.736
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	18.539.730.835	11.345.456.758
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37.991.679.723	42.235.541.896
11. Thu nhập khác	31	5.6	1.679.753.190	5.429.621.973
12. Chi phí khác	32		1.899.369	285.076.434
13. Lợi nhuận khác	40		1.677.853.821	5.144.545.539
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		39.669.533.544	47.380.087.435
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	8.220.085.598	5.930.380.261
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.8	(185.393.318)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31.634.841.264	41.449.707.174
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.11.4	6.328	8.291



Trần Thanh Sơn
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 3 năm 2014

Phạm Ngọc Long
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thu Hà
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.7	39.669.533.544	47.380.087.435
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.9	10.078.120.717	11.713.956.028
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1.934.122)	-
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.491.503.684)	(3.525.598.642)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		48.254.216.455	55.568.444.821
- Giảm/ (tăng) các khoản phải thu	09		3.274.423.128	(22.559.320.865)
- Giảm/ (tăng) hàng tồn kho	10		2.094.449.013	(568.250.577)
- (Giảm)/ tăng các khoản phải trả	11		3.310.045.763	(10.053.559.529)
- Giảm chi phí trả trước	12		162.613.900	551.325.069
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	5.7	(8.216.820.257)	(5.458.896.836)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.277.883.509)	(2.533.200.694)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		46.601.044.492	14.946.541.389
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(21.358.012.802)	(10.149.127.159)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ&TS dài hạn khác	22		61.000.000	177.727.273
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.3	1.432.403.053	3.632.947.803
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.864.609.749)	(6.338.452.083)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.12	(34.994.470.000)	(42.271.274.289)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(34.994.470.000)	(42.271.274.289)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(8.258.035.257)	(33.663.184.983)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		48.211.782.219	81.878.534.634
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		34.006	(3.567.432)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.1	39.953.780.968	48.211.782.219



Trần Thanh Sơn
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 3 năm 2014

Phạm Ngọc Long
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thu Hà
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài ("Công ty") là một doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 983/QĐ-BGTVT ngày 15/04/2004 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103004824 ngày 07/07/2004 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh các lần gần nhất như sau:

Điều chỉnh lần thứ 11 số 0101509403	Ngày 30/09/2011
Điều chỉnh lần thứ 12 số 0101509403	Ngày 09/05/2012
Điều chỉnh lần thứ 13 số 0101509403	Ngày 01/07/2013

Vốn điều lệ trên Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty là 50.000.000.000 VND.

Ngày 16 tháng 06 năm 2010, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 134/2010/GCNCP-VSD cho Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài. Theo đó, Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã Chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 16 tháng 06 năm 2010 với tên chứng khoán là Cổ phiếu Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài, mã chứng khoán: NCS.

Công ty có trụ sở chính tại Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 592 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Chế biến suất ăn phục vụ hành khách của hãng hàng không, các chuyến bay chuyên cơ;
- Cung cấp các dịch vụ liên quan đến quá trình sản xuất, cung ứng suất ăn;
- Đầu tư, liên doanh, liên kết trong lĩnh vực chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất, mua bán nguyên vật liệu thực phẩm;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Cung cấp suất ăn và dịch vụ cho khách hàng trong và ngoài ngành hàng không; và
- Xuất nhập khẩu trực tiếp để phục vụ chế biến suất ăn.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.2 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 03 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền theo phương pháp kiểm kê định kỳ và bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và giảm sút phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 08
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	03 - 08
Thiết bị quản lý	03 - 07

3.7 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.8 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận bằng cách tham chiếu đến tỷ lệ hoàn thành của từng giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thu nhập khác

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24/10/2012. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng ngân hàng thương mại tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia lãi cho các cổ đông.

3.11 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.12 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty đang chịu thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất ưu đãi 20% trong vòng 20 năm kể từ ngày thành lập do công ty đang hoạt động trong địa bàn khó khăn. Năm 2004, Công ty thực hiện cổ phần hóa do đó được miễn thuế TNDN trong vòng 02 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 06 năm tiếp theo. Công ty đã đăng ký với Cơ quan Thuế về thời gian miễn thuế là năm 2005 và năm 2006. Thời gian giảm thuế là 06 năm tiếp theo, bắt đầu từ năm 2007.

Đối với các hoạt động khác, Công ty chịu thuế TNDN với thuế suất bằng 25%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 Thuế (Tiếp)

Thuế thu nhập doanh nghiệp (Tiếp)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 Thuế (Tiếp)

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

- | | |
|--|-----|
| • Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các chuyến bay quốc tế | 0% |
| • Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các chuyến bay quốc nội | 10% |
| • Các dịch vụ khác | 10% |

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Tiền mặt	59.690.565	270.338.560
Tiền gửi ngân hàng	24.094.090.403	22.941.443.659
Các khoản tương đương tiền (i)	15.800.000.000	25.000.000.000
Cộng	39.953.780.968	48.211.782.219

(i): Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngắn hạn dưới 03 tháng tại Ngân hàng.

4.2 Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Phải thu từ các bên liên quan	43.138.867.467	43.318.777.237
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	43.138.867.467	43.318.777.237
Các khoản phải thu bên thứ ba	12.519.588.549	11.957.154.432
Aeroflot Russian Intl Airlines - SU	1.303.752.889	2.448.001.088
Japan Airlines	1.041.110.845	903.444.048
Korean Air	2.010.852.820	1.880.466.016
Asiana Airlines	1.449.877.341	1.490.287.344
Malaysia Airlines	1.259.930.309	1.021.178.288
China Airlines	911.114.431	685.397.440
Công ty CP Hàng không Đông Dương - VP	1.203.684.953	1.203.684.953
Dragon Air - KA	671.659.392	1.253.224.336
Các khách hàng khác	2.667.605.569	1.071.470.919
Tổng phải thu của khách hàng	55.658.456.016	55.275.931.669
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.203.684.953)	(1.203.684.953)
Cộng	54.454.771.063	54.072.246.716

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.3 Trả trước cho người bán

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Trả trước cho bên liên quan	-	-
Trả trước Nhà cung cấp khác	21.000.000	4.817.302.539
Công ty Cổ phần Công trình Hàng không	-	3.499.320.000
Công ty Cổ phần SX&TM Quốc Khánh	-	783.594.171
Các khoản trả trước khác	21.000.000	534.388.368
Cộng	21.000.000	4.817.302.539

4.4 Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.194.595.167	10.354.261.007
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	898.792.152	833.575.325
Giá gốc hàng tồn kho	9.093.387.319	11.187.836.332
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần	9.093.387.319	11.187.836.332

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	13.983.017.798	23.417.396.198	34.445.757.691	27.512.228.730	99.358.400.417
Mua sắm mới	-	4.048.272.727	8.881.831.905	-	12.930.104.632
Xây dựng cơ bản hoàn thành (i)	9.857.201.229	-	-	-	9.857.201.229
Thanh lý, nhượng bán	-	(69.965.874)	(219.856.374)	(642.906.919)	(932.729.167)
Giảm khác (ii)	-	(408.026.000)	-	(2.407.669.987)	(2.815.695.987)
Tại ngày 31/12/2013	23.840.219.027	26.987.677.051	43.107.733.222	24.461.651.824	118.397.281.124
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	13.086.021.522	11.572.521.610	20.802.680.696	24.371.385.965	69.832.609.793
Trích khấu hao	2.026.467.245	2.256.946.480	3.246.010.347	1.981.372.342	9.510.796.414
Thanh lý, nhượng bán	-	(69.965.874)	(219.856.374)	(641.007.550)	(930.829.798)
Giảm khác (ii)	-	(408.026.000)	-	(2.104.238.315)	(2.512.264.315)
Tại ngày 31/12/2013	15.112.488.767	13.351.476.216	23.828.834.669	23.607.512.442	75.900.312.094
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2013	896.996.276	11.844.874.588	13.643.076.995	3.140.842.765	29.525.790.624
Tại ngày 31/12/2013	8.727.730.260	13.636.200.835	19.278.898.553	854.139.382	42.496.969.030

(i): Đây là công trình Tái định cư khu điều hành, bãi đỗ xe và các hạng mục hạ tầng có liên quan đến giải phóng mặt bằng đường nối Nội Bài được quyết toán theo Quyết định số 29/QĐ-NCS-HĐQT phê duyệt ngày 25/12/2013.

(ii): Tài sản giảm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 52.994.273.729 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.6 Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Các phần mềm quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2013	214.630.000	214.630.000
Mua sắm mới	2.190.000.000	2.190.000.000
Tại ngày 31/12/2013	2.404.630.000	2.404.630.000
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2013	165.648.753	165.648.753
Trích khấu hao	567.324.303	567.324.303
Tại ngày 31/12/2013	732.973.056	732.973.056
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2013	48.981.247	48.981.247
Tại ngày 31/12/2013	1.671.656.944	1.671.656.944

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 167.440.000 VND.

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Mua sắm tài sản cố định	-	2.190.000.000
Phần mềm quản lý sản xuất	-	2.190.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	3.099.522.863	4.225.384.250
Công trình xây dựng cơ sở mới (i)	3.099.522.863	3.073.906.499
Dự án tái định cư	-	1.151.477.751
Cộng	3.099.522.863	6.415.384.250

(i): Khoản chi phí khảo sát lập Báo cáo nghiên cứu kỹ thuật để chuẩn bị cho Dự án xây dựng mới Công trình cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.8 Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Phải trả bên liên quan	-	1.439.870.863
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không	-	1.439.870.863
Phải trả người bán khác	21.044.417.414	14.309.154.210
Công ty TNHH Thực phẩm Cao cấp	2.633.153.809	2.533.402.565
Công ty TNHH Thương mại Dương Quang	1.949.219.800	1.613.803.455
Công ty TNHH Hoàng Lộc	1.560.625.115	1.471.697.045
Công ty TNHH Thiên Sơn	1.590.456.729	1.407.589.029
Công ty TNHH Việt Trang	1.258.649.438	754.964.700
Phải trả nhà cung cấp khác	12.052.312.523	6.527.697.416
Cộng	21.044.417.414	15.749.025.073

4.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	15.099.116
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.412.934.169	2.409.668.829
Thuế thu nhập cá nhân	411.423.535	348.579.407
Cộng	2.824.357.704	2.773.347.352

4.10 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Kinh phí công đoàn	1.361.387	130.975.473
Bảo hiểm xã hội	2.423.450	94.012.224
Bảo hiểm y tế	-	45.516.166
Bảo hiểm thất nghiệp	-	11.302.432
Quý hỗ trợ đào tạo	185.532.000	185.532.000
Các khoản phải nộp khác	335.181.748	531.995.717
Cộng	524.498.585	999.334.012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.11 Vốn chủ sở hữu

4.11.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	50.000.000.000	(7.900.000)	478.117.255	9.848.127.983	5.000.000.000	57.926.598.953	123.244.944.191
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	-	47.380.087.435	47.380.087.435
Thuế TNDN phải nộp	-	-	-	-	-	(5.930.380.261)	(5.930.380.261)
Trả cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	(42.278.318.970)	(42.278.318.970)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	(288.000.000)	(288.000.000)
Thưởng ban điều hành 2012	-	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	2.072.485.359	-	(4.144.970.718)	(2.072.485.359)
Điều chỉnh trích quỹ	-	-	-	(2.575.327.454)	-	2.702.612.119	127.284.665
Giảm khác	-	-	(478.117.255)	-	-	-	(478.117.255)
Tại ngày 31/12/2012	50.000.000.000	(7.900.000)	-	9.345.285.888	5.000.000.000	55.067.628.558	119.405.014.446
Tại ngày 01/01/2013	50.000.000.000	(7.900.000)	-	9.345.285.888	5.000.000.000	55.067.628.558	119.405.014.446
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	-	39.669.533.544	39.669.533.544
Thuế TNDN phải nộp	-	-	-	-	-	(8.220.085.598)	(8.220.085.598)
Trả cổ tức năm 2012 (i)	-	-	-	-	-	(34.994.470.000)	(34.994.470.000)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	(284.000.000)	(284.000.000)
Thưởng ban điều hành 2013	-	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	(3.163.484.126)	(3.163.484.126)
Điều chỉnh trích quỹ	-	-	-	(2.072.485.359)	-	2.269.785.706	197.300.347
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-	185.393.318	185.393.318
Giảm khác	-	-	-	-	-	(23.159.834)	(23.159.834)
Tại ngày 31/12/2013	50.000.000.000	(7.900.000)	-	7.272.800.529	5.000.000.000	50.207.141.568	112.472.042.097

(i): Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.12 "Cổ tức".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.11 Vốn chủ sở hữu

4.11.2 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký DN		Số vốn đã góp		Số vốn đã góp	
	VND	%	Tại ngày 31/12/2013 VND	%	Tại ngày 01/01/2013 VND	%
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	30.000.000.000	60	30.000.000.000	60	30.000.000.000	60
Công ty TNHH MTV DV HK SB Tân Sơn Nhất	5.000.000.000	10	5.000.000.000	10	5.000.000.000	10
Công ty LD SX Bữa ăn trên Máy bay	850.000.000	2	850.000.000	2	850.000.000	2
Các cổ đông khác	14.150.000.000	28	14.150.000.000	28	14.150.000.000	28
Cộng	50.000.000.000	100	50.000.000.000	100	50.000.000.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.11 Vốn chủ sở hữu (Tiếp)

4.11.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2013 <u>Cổ phiếu</u>	Tại ngày 01/01/2013 <u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	790	790
Cổ phiếu phổ thông	790	790
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.999.210	4.999.210
Cổ phiếu phổ thông	4.999.210	4.999.210

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

4.11.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 <u>VND</u>	Năm 2012 <u>VND</u>
Lợi nhuận thuần của các cổ đông phổ thông	31.634.841.264	41.449.707.174
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	4.999.210	4.999.210
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	<u>6.328</u>	<u>8.291</u>

4.12 Cổ tức

Ngày 25/06/2013, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2012 là 34.994.470.000 VND. Trong năm 2013, Công ty đã chi trả số cổ tức của năm 2012 cho các cổ đông là 34.994.470.000 VND.

Ngày 02/12/2013, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua kế hoạch tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 với tỷ lệ 15% (Tương đương 1.500 VND/Cổ phiếu). Tuy nhiên, ngày 11/12/2013, Hội đồng Quản trị đã quyết định tạm hoãn chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013. Cổ tức của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 sẽ được đề xuất trong Đại hội đồng cổ đông của Công ty được tổ chức năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng doanh thu	386.166.962.398	352.544.766.953
Doanh thu cung cấp suất ăn	308.621.811.202	288.308.353.148
Doanh thu cung cấp dịch vụ	77.545.151.196	64.236.413.805
Các khoản giảm trừ doanh thu	(6.763.846.144)	(3.205.234.010)
Chiết khấu thương mại	(6.763.846.144)	(3.205.234.010)
Doanh thu thuần	379.403.116.254	349.339.532.943

5.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn cung cấp suất ăn	271.860.532.283	255.735.934.439
Giá vốn dịch vụ cung cấp	49.247.768.297	41.110.064.836
Cộng	321.108.300.580	296.845.999.275

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.432.403.053	3.632.947.803
Chênh lệch tỷ giá	400.475.230	685.604.084
Cộng	1.832.878.283	4.318.551.887

5.4 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng bao gồm chi phí bằng tiền khác chủ yếu là chi phí quảng cáo, xúc tiến thương mại và chăm sóc khách hàng, tổng số tiền 3.550.384.563 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.800.091.829	5.949.828.980
Chi phí vật liệu quản lý	1.142.980.426	363.506.094
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa TSCĐ	60.910.836	129.180.909
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.710.283.913	898.575.328
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	230.980.199	218.159.702
Chi phí bằng tiền khác	5.594.483.632	3.786.205.745
Cộng	18.539.730.835	11.345.456.758

5.6 Thu nhập khác

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	61.000.000	177.727.273
Thu từ bán phế liệu	1.094.545.456	840.000.000
Thu từ bồi thường giải phóng mặt bằng	-	3.704.567.742
Thu nhập khác	524.207.734	707.326.958
Cộng	1.679.753.190	5.429.621.973

5.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi/(lỗ) theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

5.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp)

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	39.669.533.544	47.380.087.435
Trong đó:		
Thu nhập không ưu đãi thuế TNDN	2.015.711.418	7.937.493.342
Thu nhập ưu đãi thuế TNDN	37.653.822.126	39.442.594.093
Các khoản chênh lệch vĩnh viễn	-	-
Các khoản chênh lệch tạm thời	926.966.590	17.475.159
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	17.475.159
Phân bổ nhanh công cụ dụng cụ	926.966.590	-
Lợi nhuận (lỗ) sau điều chỉnh	40.596.500.134	47.397.562.594
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm	40.596.500.134	47.397.562.594
Thuế suất không ưu đãi	25%	25%
Thuế suất ưu đãi	20%	10%
Thuế TNDN ước tính trong năm	8.220.085.598	5.930.380.261
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành ước tính	8.220.085.598	5.930.380.261
Thuế TNDN phải trả đầu năm	2.409.668.829	1.938.185.404
Thuế TNDN đã trả trong năm	(8.216.820.257)	(5.458.896.836)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	2.412.934.169	2.409.668.829

5.8 Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại trong năm của Công ty được xác định như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả kinh doanh	
	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	185.393.318	-		
Phân bổ nhanh công cụ dụng cụ	185.393.318	-	(185.393.318)	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại thuần			(185.393.318)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

5.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	200.758.437.093	182.583.434.030
Chi phí nhân công	74.192.427.903	68.970.386.007
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	4.877.459.180	4.381.710.624
Khấu hao tài sản cố định	10.078.120.717	11.713.956.028
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	23.640.951.609	20.652.624.878
Chi phí bằng tiền khác	29.651.019.476	23.029.589.202
Cộng	343.198.415.978	311.331.700.769

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó bên liên quan của Công ty là các cổ đông, các thành viên trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị của Công ty và các công ty trong Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam.

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch và số dư sau với các bên liên quan:

Bán hàng

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	269.708.836.563	247.582.526.708
<i>Trong đó tiền chiết khấu</i>	<i>(6.697.134.174)</i>	<i>(3.205.234.010)</i>
Cộng	263.011.702.389	244.377.292.698

Mua hàng

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	(Trình bày lại) VND
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không	4.391.509.087	393.976.000
Cộng	4.391.509.087	393.976.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.1 Nghiệp vụ số dư các bên liên quan (Tiếp)

Các khoản phải thu

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	43.138.867.467	43.318.777.237
Cộng	43.138.867.467	43.318.777.237

Thu nhập của Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát

Thu nhập của Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng thu nhập của Ban Giám đốc	1.892.855.552	1.938.723.110
Tổng thù lao và thưởng của HĐQT và BKS	584.000.000	588.000.000
Cộng	2.476.855.552	2.526.723.110

Giao dịch chia cổ tức

Chi tiết xem tại thuyết minh số 4.12 "Cổ tức".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/NQ-NCS-HĐQT tại phiên họp 73 nhiệm kỳ 2009 – 2014 của Hội đồng Quản trị ngày 13 tháng 01 năm 2014, Công ty đã thực hiện thanh toán tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 1 năm 2013 với tỷ lệ 15% (1.500 VND/cổ phiếu) vào ngày 13 tháng 02 năm 2014.

Ngoài sự kiện nêu trên, Công ty không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

6.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội. Một số số liệu trong Báo cáo tài chính của năm trước được phân loại và trình bày lại để phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính năm nay.



Trần Thanh Sơn
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 3 năm 2014

Phạm Ngọc Long
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thu Hà
Người lập

